

BỘ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 24.561
	Giờ: Ngày 20 tháng 8 năm 2010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Jean - Luc Costa	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Henri Gurs	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2010



Số. 37 /2011 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2009 với ý kiến ngoại trừ liên quan đến quỹ tiền lương tạm hạch toán. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Do không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 2 phần thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Đình Tứ
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B01-DNBH
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.883.094.020.751	1.665.780.200.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	191.879.554.124	159.355.358.482
1. Tiền	111		171.879.554.124	158.355.358.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	640.126.206.151	714.418.597.368
1. Đầu tư ngắn hạn	121		653.848.978.990	722.201.391.228
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(13.722.772.839)	(7.782.793.860)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.012.544.016.840	780.711.664.999
1. Phải thu khách hàng	131		615.448.636.346	449.576.732.182
2. Trả trước cho người bán	132		60.846.721.810	54.680.728.202
3. Các khoản phải thu khác	135		350.900.880.176	291.548.170.235
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(14.652.221.492)	(15.093.965.620)
IV. Hàng tồn kho	140		4.553.477.961	3.507.647.670
1. Hàng tồn kho	141		4.553.477.961	3.507.647.670
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.990.765.675	7.786.932.043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		405.324.827	234.872.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.399.012.332	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.186.428.516	7.552.059.644
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.785.381.464.993	1.834.030.193.492
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.463.853.994	43.589.528.162
1. Phải thu dài hạn khác	218		22.463.853.994	43.589.528.162
II. Tài sản cố định	220		417.675.209.160	395.416.740.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	86.797.735.447	82.695.690.602
- Nguyên giá	222		172.889.811.977	162.678.085.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.092.076.530)	(79.982.395.341)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	271.075.397.824	268.742.151.819
- Nguyên giá	228		285.653.554.361	280.712.169.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.578.156.537)	(11.970.017.612)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	59.802.075.889	43.978.898.251
III. Bất động sản đầu tư	240	3	7.655.042.500	7.655.042.500
- Nguyên giá	241		7.655.042.500	7.655.042.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.287.489.218.553	1.358.635.417.265
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	210.248.000.000	210.248.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	10	152.781.309.450	38.074.432.500
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	927.793.925.103	1.113.616.318.099
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	11	(3.334.016.000)	(3.303.333.334)
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.098.140.786	28.733.464.893
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	42.359.433.125	20.959.434.206
2. Ký quỹ bắt buộc	263		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.738.707.661	1.774.030.687
	270		3.668.475.485.744	3.499.810.394.054

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B01-DNBH
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.501.428.724.521	1.355.368.174.998
I. Nợ ngắn hạn	310		384.614.380.989	456.103.387.302
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	100.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		262.384.229.469	233.894.591.646
3. Người mua trả tiền trước	313		35.393.735.331	40.557.867.554
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	51.119.950.860	41.246.879.361
5. Phải trả người lao động	315		5.775.189.631	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		46.686.968.968	45.778.354.743
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(16.745.693.270)	(5.374.306.002)
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	14	1.116.654.543.532	899.109.987.696
1. Dự phòng phí	331		715.238.707.070	595.143.412.219
2. Dự phòng bồi thường	332		213.129.296.453	141.011.636.374
3. Dự phòng dao động lớn	333		188.286.540.009	162.954.939.103
III. Nợ dài hạn	340		159.800.000	154.800.000
1. Phải trả dài hạn khác	343		159.800.000	154.800.000
B. NGUỒN VỐN	400		2.167.046.761.223	2.144.442.219.056
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	2.167.046.761.223	2.144.442.219.056
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		30.300.981.698	30.300.981.698
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		248.261.705.076	225.657.162.909
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		3.668.475.485.744	3.499.810.394.054


 Vũ Thị Dung
 Người lập


 Nguyễn Phú Thủy
 Kế toán trưởng


 Lê Văn Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 02a-DNBH
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009
			đến 30/6/2010	đến 30/6/2009
Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.059.424.805.140	913.411.694.686
Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		86.383.448.080	86.358.185.402
Các khoản giảm trừ	03		(301.421.556.351)	(284.142.494.607)
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>04</i>		<i>(286.475.860.486)</i>	<i>(272.079.433.070)</i>
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	<i>05</i>		<i>(231.528.893)</i>	<i>(336.256.107)</i>
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	<i>06</i>		<i>(14.714.166.972)</i>	<i>(11.726.805.430)</i>
Phí bảo hiểm giữ lại			844.386.696.869	715.627.385.481
Tăng dự phòng phí	08		(120.095.294.851)	(71.089.882.986)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		38.462.207.483	37.887.492.778
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10		883.995.303	16.729.945
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		763.637.604.804	682.441.725.218
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		(366.167.931.518)	(451.500.132.729)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(32.692.222.689)	(36.700.536.037)
Trừ các khoản khấu trừ	17		67.018.020.562	137.571.921.128
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>18</i>		<i>65.076.660.447</i>	<i>135.520.895.980</i>
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	<i>19</i>		<i>1.721.209.046</i>	<i>1.860.920.295</i>
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	<i>20</i>		<i>220.151.069</i>	<i>190.104.853</i>
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		(331.842.133.645)	(350.628.747.638)
Tăng dự phòng bồi thường	23		(72.020.010.078)	(51.436.425.098)
Trích dự phòng dao động lớn	24		(25.331.600.906)	(21.468.821.564)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		(71.673.996.516)	(77.404.224.811)
Chi đòi người thứ ba	29		(24.450.000)	(40.967.359)
Thu xử lý hàng bồi thường 100%	30		-	6.522.727
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		(464.243.999)	(385.563.002)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		(3.231.019.848)	(5.753.501.572)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33		(272.384.117)	(4.910.411.975)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35		(20.915.278.400)	(17.597.852.880)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		(525.775.117.509)	(529.619.993.172)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		237.862.487.295	152.821.732.046
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(236.466.632.819)	(183.045.368.180)
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		1.395.854.476	(30.223.636.134)
Doanh thu hoạt động tài chính	46	16	164.192.121.760	128.291.686.391
Chi phí tài chính	47	17	(38.934.310.874)	(1.371.819.180)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51		125.257.810.886	126.919.867.211
Thu nhập khác	52		200.683.081	645.829.147
Chi phí khác	53		(4.351.273)	(91.387.067)
Lợi nhuận khác	54		196.331.808	554.442.080
Lợi nhuận trước thuế	55		126.849.997.170	97.250.673.157
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	18	(12.405.457.514)	(9.569.656.640)
Lợi nhuận sau thuế	61		114.444.539.656	87.681.016.517



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
 Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B03-DNBH
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
1. Lợi nhuận trước thuế	01	126.849.997.170	97.250.673.157
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.840.072.907	6.823.557.187
Các khoản dự phòng	03	223.417.567.480	143.995.129.648
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(9.324.152.319)	(4.927.038.343)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(138.619.828.649)	(122.418.663.998)
Chi phí lãi vay	06	3.245.306.667	69.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	214.408.963.256	120.792.657.651
Tăng các khoản phải thu	09	(213.820.886.045)	(276.636.253.400)
Tăng hàng tồn kho	10	(1.045.830.291)	(757.747.578)
Tăng các khoản phải trả	11	133.249.525.790	299.957.400.751
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(21.570.451.347)	1.239.721.508
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.245.306.667)	(69.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(15.074.952.348)	(13.279.120.332)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.625.006.241	685.162.410.023
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(106.386.258.364)	(789.925.037.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.860.189.775)	26.485.031.157
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(31.098.541.395)	(168.023.660.864)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn khác	22	14.720.000	183.491.326
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(418.675.592.615)	(1.003.337.750.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	712.031.822.256	1.034.219.285.153
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(199.369.217.802)	(32.385.415.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	51.451.578.090	67.752.406.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	108.305.464.564	124.588.786.365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	222.660.233.098	22.997.142.980
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	100.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.000.000.000)	
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(190.600.000.000)	9.400.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	23.200.043.323	58.882.174.137
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	159.355.358.482	224.995.966.308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	9.324.152.319	4.927.038.343
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	191.879.554.124	288.805.178.788



Vũ Thị Dung
 Người lập



Nguyễn Phú Thủy
 Kế toán trưởng


TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO MINH
Lê Văn Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 8 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước, một công ty con và một công ty liên doanh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 1.815 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.811 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày; do đó, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh trong báo cáo tài chính này. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 bên dưới.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hằng năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH26 Tôn Thất Đạm, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	05 - 25
Phương tiện vận tải	07 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở từng chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 5 năm. Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản đầu tư. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tại ngày báo cáo tiếp theo, khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày theo nguyên giá gốc, trừ đi khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí hoa hồng chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian mà Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Dự phòng nghiệp vụ***

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2009: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập vào cuối năm tài chính.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	12.527.106.142	11.971.395.528
Tiền gửi ngân hàng	149.329.777.679	145.683.962.954
Tiền đang chuyển	10.022.670.303	700.000.000
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	1.000.000.000
	<u>191.879.554.124</u>	<u>159.355.358.482</u>

Các khoản tiền tương đương thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 1/1/2010	131.225.349.077	63.030.953.060	527.945.089.091	722.201.391.228
Tăng	25.302.671.799	-	60.000.000.000	85.302.671.799
Giảm	(30.800.759.037)	-	(122.854.325.000)	(153.655.084.037)
Tại ngày 30/06/2010	125.727.261.839	63.030.953.060	465.090.764.091	653.848.978.990

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 1/1/2010	(7.782.793.860)	-	-	(7.782.793.860)
Tăng	(5.939.978.979)	-	-	(5.939.978.979)
Tại ngày 30/06/2010	(13.722.772.839)	-	-	(13.722.772.839)

GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 30/06/2010	112.004.489.000	63.030.953.060	465.090.764.091	640.126.206.151
Tại ngày 31/12/2009	123.442.555.217	63.030.953.060	527.945.089.091	714.418.597.368

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Dụng cụ văn phòng VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010	96.336.150.752	37.198.111.498	48.968.095	24.880.016.085	4.214.839.513	162.678.085.943
Tăng trong kỳ	-	5.730.795.455	15.772.727	1.151.934.942	-	6.898.503.124
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.383.227.848	-	-	93.074.462	219.724.957	3.696.027.267
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(122.252.793)	-	(122.252.793)
Giảm khác	(260.551.564)	-	-	-	-	(260.551.564)
Tại ngày 30/6/2010	99.458.827.036	42.928.906.953	64.740.822	26.002.772.696	4.434.564.470	172.889.811.977
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2010	(27.197.204.077)	(28.318.611.799)	(40.063.092)	(21.406.858.385)	(3.019.657.988)	(79.982.395.341)
Khấu hao trong kỳ	(2.839.155.758)	(2.054.533.102)	(2.566.271)	(970.453.842)	(365.225.009)	(6.231.933.982)
Giảm do thanh lý	-	-	-	122.252.793	-	122.252.793
Tại ngày 30/6/2010	(30.036.359.835)	(30.373.144.901)	(42.629.363)	(22.255.059.434)	(3.384.882.997)	(86.092.076.530)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2010	69.422.467.201	12.555.762.052	22.111.459	3.747.713.262	1.049.681.473	86.797.735.447
Tại ngày 31/12/2009	69.138.946.675	8.879.499.699	8.905.003	3.473.157.700	1.195.181.525	82.695.690.602



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nhà cửa, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và các tài sản khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị lần lượt là 3.847.561.660 đồng, 16.994.890.737 đồng, 35.253.809 đồng, 18.359.304.289 đồng và 1.567.154.234 đồng (tại ngày 31/12/2009: 2.076.163.440 đồng, 15.249.018.922 đồng, 35.253.809 đồng, 17.128.066.809 đồng và 1.421.688.514 đồng).

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	242.283.848.023	38.428.321.408	280.712.169.431
Tăng trong kỳ	-	35.000.000	35.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.721.750.564	184.634.366	4.906.384.930
Tại ngày 30/6/2010	247.005.598.587	38.647.955.774	285.653.554.361
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	(66.620.500)	(11.903.397.112)	(11.970.017.612)
Khấu hao trong kỳ	(73.588.095)	(2.534.550.830)	(2.608.138.925)
Tại ngày 30/6/2010	(140.208.595)	(14.437.947.942)	(14.578.156.537)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	246.865.389.992	24.210.007.832	271.075.397.824
Tại ngày 31/12/2009	242.217.227.523	26.524.924.296	268.742.151.819

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.810.229.997 đồng (tại ngày 31/12/2009: 35.000.000 đồng).

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	43.978.898.251	99.755.398.044
Tăng	24.425.589.835	201.752.285.790
Kết chuyển sang tài sản cố định	(8.602.412.197)	(257.528.785.583)
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	59.802.075.889	43.978.898.251

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "BMSC") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 04 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,08% vốn điều lệ tương đương với 70,08% quyền biểu quyết.

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ tương đương với 48,45% quyền biểu quyết. Trong kỳ, UIC đã tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty đã góp bổ sung 114.706.876.950 đồng vào UIC để đảm bảo tỉ lệ sở hữu là 48,45%.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 1/1/2010	13.773.992.000	415.543.655.068	684.298.671.031	1.113.616.318.099
Tăng	25.500.000.000	75.516.852.975	72.000.000.000	173.016.852.975
Giảm	-	(181.973.653.000)	(176.865.592.971)	(358.839.245.971)
Tại ngày 30/6/2010	39.273.992.000	309.086.855.043	579.433.078.060	927.793.925.103

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tại ngày 1/1/2010	(3.303.333.334)	-	-	(3.303.333.334)
Tăng	(30.682.666)	-	-	(30.682.666)
Tại ngày 30/6/2010	(3.334.016.000)	-	-	(3.334.016.000)

GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tại ngày 30/6/2010	<u>35.939.976.000</u>	<u>309.086.855.043</u>	<u>579.433.078.060</u>	<u>924.459.909.103</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>10.470.658.666</u>	<u>415.543.655.068</u>	<u>684.298.671.031</u>	<u>1.110.312.984.765</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.189.256.461	2.167.437.336
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	34.011.237.540	13.781.774.965
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.158.939.124	5.010.221.905
	<u>42.359.433.125</u>	<u>20.959.434.206</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	39.803.006.114	24.885.992.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.568.705.021	10.623.928.575
Thuế thu nhập cá nhân	(1.286.822.919)	-
Phải nộp nhà nước khác	5.035.062.644	5.736.958.560
	<u>51.119.950.860</u>	<u>41.246.879.361</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2009	528.107.302.480	127.473.227.854	159.912.544.091	815.493.074.425
Số trích lập trong năm	67.036.109.739	13.538.408.520	3.042.395.012	83.616.913.271
Số dư tại ngày 31/12/2009	595.143.412.219	141.011.636.374	162.954.939.103	899.109.987.696
Số trích lập trong kỳ	120.095.294.851	72.117.660.079	25.331.600.906	217.544.555.836
Số dư tại ngày 30/6/2010	715.238.707.070	213.129.296.453	188.286.540.009	1.116.654.543.532

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2009	755.000.000.000	1.133.484.074.449	193.393.899.922	22.575.082.106	2.104.453.056.477
Lợi nhuận trong năm	-	-	154.903.720.568	-	154.903.720.568
Điều chỉnh lợi nhuận tăng	-	-	6.508.444.819	-	6.508.444.819
Cổ tức đã trả	-	-	(90.600.000.000)	-	(90.600.000.000)
Lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	(7.725.899.592)	7.725.899.592	-
Phân phối quỹ	-	-	(30.823.002.808)	-	(30.823.002.808)
Số dư tại ngày 31/12/2009	755.000.000.000	1.133.484.074.449	225.657.162.909	30.300.981.698	2.144.442.219.056
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	114.444.539.656	-	114.444.539.656
Cổ tức đã trả	-	-	(90.600.000.000)	-	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	(1.239.997.489)	-	(1.239.997.489)
Số dư tại ngày 30/6/2010	755.000.000.000	1.133.484.074.449	248.261.705.076	30.300.981.698	2.167.046.761.223

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2010/BM/ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2010, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 90.600.000.000 đồng (12%/vốn điều lệ).

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phiếu và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	75.500.000	75.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	75.500.000	75.500.000
Mệnh giá (VNĐ)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản còn lại của Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng Cty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70%	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65%	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.532.000.000	5,63%	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22%	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62%	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa Chất VN	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Cty CP XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57%	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV Bảo Minh và Cổ đông bên ngoài	94.791.200.000	12,57%	94.791.200.000	94.791.200.000
	755.000.000.000	100%	755.000.000.000	755.000.000.000

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.574.478.528	65.370.914.933
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	8.035.528.982	21.481.016.109
Cổ tức, lợi nhuận được chia	77.228.167.116	20.693.420.041
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.662.841.943	10.350.912.254
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.813.551.562	7.503.938.727
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	633.154.299	1.532.404.480
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.244.399.330	1.359.079.847
	164.192.121.760	128.291.686.391

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND
Lãi tiền vay	3.534.241.079	-
Chi phí quản lý phòng đầu tư	13.166.547.358	9.790.671.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.338.689.624	5.423.873.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.641.217.859	6.120.159.666
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	5.892.195.145	(24.330.024.376)
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	3.323.692.537	13.854.521.480
Chi phí tài chính khác	37.727.272	303.288.499
	38.934.310.874	11.162.490.798



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	126.849.997.170	97.250.673.157
Trừ: Thu nhập cố tức không chịu thuế	<u>(77.228.167.116)</u>	<u>(20.693.420.041)</u>
Thu nhập chịu thuế	49.621.830.054	76.557.253.116
Thuế suất áp dụng	25%	12.5%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>12.405.457.514</u>	<u>9.569.656.640</u>

Tổng Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% (năm 2009: 12.5%).

Theo Công văn số 148/TCT-PC ngày 14 tháng 1 năm 2010 của Tổng cục Thuế về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006, thì Tổng Công ty được cộng gộp các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp do cổ phần hóa và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu. Tổng Công ty hiện đang xem xét và sẽ tính toán lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước do ảnh hưởng của Công văn nêu trên vào cuối năm tài chính 2010.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Doanh thu		
Cổ tức nhận từ BMSC	10.478.900.000	10.466.400.000
Cổ tức nhận từ UIC	59.654.252.048	-
Tiền thuê văn phòng từ BMSC	<u>825.000.000</u>	<u>825.000.000</u>
Chi phí		
Tổng Công ty nhờ BMSC trả cổ tức	<u>757.677.600</u>	<u>1.518.667.700</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải thu		
Tiền thuê văn phòng từ BMSC	412.500.000	-



Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>2.730.187.598</u>	<u>2.205.465.558</u>

20. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn 8667/BTC-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Hiện nay, Tổng Công ty đang tiến hành xác định số thuế nhà thầu được miễn giảm và thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo hướng dẫn Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện hành.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

